

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2026
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Châu Hoàng Anh
Ông Đinh Tuấn Em
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.
Ngày 04 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2025/TLST - HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Thị M - Sinh năm: 1989. Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thiện T - Sinh năm: 1987. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: ấp H, xã L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Chị Thị M trình bày:
Chị M và anh T tự tìm hiểu nhau, bắt đầu chung sống như vợ chồng năm 2007. Đến năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm kinh tế gia đình. Anh T thường xuyên đi chơi, không lo làm ăn, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, không hạnh phúc. Mặc dù cả hai đã tự sửa đổi nhưng cũng không thể hàn gắn được tình cảm nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P - sinh ngày: 01/10/2008 và Nguyễn Chí T1 - sinh ngày: 12/01/2012. Hiện

cháu P đã trưởng thành, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con do chị M đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Thiện T đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M cương quyết yêu cầu ly hôn, anh T không có ý kiến và không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T.

Về con chung: Hiện 02 con đang trực tiếp chung sống với chị M. Cháu P đã trưởng thành, cháu T1 trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục chung sống với mẹ. Anh T không có ý kiến phản đối. Do đó, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu T1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Do chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Buộc chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thị M khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Thiện T. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh T không

làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân:

Chị Thị M và anh Nguyễn Thiện T cưới nhau vào năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị M xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình....*”. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M và không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Mặc khác theo kết quả xác minh thì chị M và anh T đã nhiều lần phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ lâu nên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị M và anh T ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho chị Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thiện T.

[2.2] Về con chung:

Theo trình bày của chị M và giấy khai sinh có cơ sở xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng P - sinh ngày: 01/10/2008 và Nguyễn Chí T1 - sinh ngày: 12/01/2012. Hiện cháu P đã trưởng thành, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con do đủ khả năng nuôi con.

Xét thấy hiện cháu T1 đang chung sống ổn định với chị M, cháu T1 đã trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với chị M, anh T không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của chị M. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng:

Do chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung:

Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002308 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thiện T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí T1 - sinh ngày: 12/01/2012 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002308 ngày 23/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An

